

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 789/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-11-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý;

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Minh Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 540/2020/TLST- HNGĐ ngày 7 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153.1/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/10/2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm: 1976

Thường trú: Số 237/1C đường C, khu phố B, Phường M, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn L. Sinh năm: 1972

Thường trú: Số 298/61 đường Đ, khu phố M, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Căn hộ 222 chung cư B, khu phố B, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2020 của bà Nguyễn Thị Phương T và bản tự khai của các bên đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Nguyễn Thị Phương T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/03/2001.

Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc ông L thường xuyên đánh bài, cá độ đá banh, nợ nần. Bà đã phải đứng ra trả nợ cho ông L rất nhiều lần, chủ nợ còn đến trường nơi bà đang dạy để đe dọa đòi nợ. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi, ông L dùng những từ không hay để đe dọa chửi bới bà, dùng tài sản trong nhà để cầm cố đánh bạc, bà đã cho ông L nhiều cơ hội sửa chữa lỗi lầm nhưng ông L vẫn không thay đổi. Nay bà yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 18/6/2003. Hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Thông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng nhưng chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Văn L là tranh chấp ly hôn. Xét bị đơn có nơi cư trú tại số Căn hộ 222 chung cư B, khu phố B, phường B, quận Bình Tân. Theo kết quả xác minh của Công an phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 298/61 đường Đ, khu phố M, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm

trú: Căn hộ 222 chung cư B, khu phố B, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Ngày 08/11/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn xin vắng mặt. Ngày 22/3/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Bà bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/03/2001. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T trình bày do mâu thuẫn vợ chồng nên không thể tiếp tục chung sống, nguyên nhân phát sinh từ ông L thường xuyên đánh bài, cá độ đá banh, nợ nần. Bà đã phải đứng ra trả nợ cho ông L rất nhiều lần, chủ nợ còn đến trường nơi bà đang dạy để đe dọa đòi nợ. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi, ông L dùng những từ không hay để đe dọa chửi bới bà, dùng tài sản trong nhà để cầm cố đánh bạc, bà đã cho ông L nhiều cơ hội sửa chữa lỗi lầm nhưng ông L vẫn không thay đổi. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng. Trong đó, thông báo thụ lý; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Các thông báo trên đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Ngày 08/11/2021, ông Nguyễn Văn L trình bày trong biên bản lấy lời khai tại Tòa án, theo đó ông L xác nhận lời khai của bà T về quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông đồng ý. Ngoài ra ông không còn ý kiến gì khác.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung hiện tại của vợ chồng bà T ông L không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải nhưng ông L không đến là không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T ông L đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 18/6/2003. Hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà T ông L khai hai bên không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0065405 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1,3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 27 quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/03/2001 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 18/6/2003. Hiện đã trưởng thành.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà T ông L xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0065405 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phi Yến